

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN

Lớp học : 33 Cao đẳng xây dựng cầu đường 2

Ngành : Xây dựng cầu đường

Hệ DT : Cao đẳng

Học Phần : Đồ án Vẽ kỹ thuật

Năm học : 2009 - 2010

Học Kỳ : 2 **ĐVHT** : 1

Lần : 1

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM	GHI CHÚ
1	3371010026	Nguyễn Thanh	Bình	14/02/1991	7.0	Học lại
2	3371010028	Trần Minh	Bí	03/01/1991	5.0	
3	3371010056	Lê Trung	Cường	01/04/1991	6.0	Học lại
4	3371010066	Bùi Hữu	Dũng	02/05/1990	6.0	
5	3371010085	Bạch Văn	Đầu	06/01/1990	5.0	
6	3271010106	Lê Bá	Đại	04/10/1988	6.0	Bảo lưu
7	3371010106	Phạm	Độ	04/08/1991	6.0	
8	3371010109	Phạm Hữu	Định	12/10/1991	0.0	
9	3371010132	Trần Ngọc	Hạnh	12/07/1990	6.0	
10	3371010144	Phạm Thanh	Hải	14/07/1990	3.0	
11	3371010161	Trương Thế	Hiển	13/02/1991	6.0	
12	3371010163	Hán Quang	Hoạt	27/09/1989	6.0	Học lại
13	3371010177	Phan Đình	Huấn	15/09/1987	5.0	
14	3371010178	Ngô Đức	Hùng	12/07/1991	8.0	
15	3271010211	Nguyễn Thế	Hùng	10/03/1989	6.0	Bảo lưu
16	3371010182	Hoàng Trọng	Huy	21/09/1991	5.0	
17	3371010229	Hồ Ngọc	Lạn	23/11/1989	5.0	
18	3371010279	Phạm Văn	Ngân	29/09/1986	6.0	
19	3371010303	Trần Văn	Nhã	28/09/1991	7.0	
20	3271010365	Trần Bá	Phi	16/12/1990	7.0	Bảo lưu
21	3371010323	Huỳnh Tấn	Phong	10/11/1990	6.0	Học lại
22	3371010335	Châu Hoài	Phượng	19/04/1991	5.0	
23	3371010342	Hồ Đức	Quang	12/01/1991	5.0	
24	3371010344	La Thiên	Quang	27/02/1990	2.0	
25	3371010346	Nguyễn Gia	Quang	24/04/1991	7.0	
26	3271010391	Ông Ngọc	Quang	28/11/1990	6.0	Học lại
27	3371010358	Hoàng Vũ	Quốc	21/01/1991	5.0	
28	3371010364	Nguyễn Văn	Quyên	29/10/1991	7.0	
29	3371010371	Nguyễn Thanh	Sang	08/12/1991	0.0	Học lại
30	3371010418	Trần Chí	Thanh	20/06/1989	7.0	
31	3371010427	Tô Xuân	Thắng	24/10/1991	5.0	
32	3371010431	Lương Đức	Thạnh	15/04/1990	3.0	

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM	GHI CHÚ
33	3371010437	Trần Đình	Thành	08/02/1991	6.0	
34	3371010439	Đặng Hồng	Thái	05/01/1990	4.0	
35	3371010450	Phan Trọng	Thị	01/03/1991	7.0	
36	3371010464	Nguyễn Minh	Thuận	09/07/1991	7.0	
37	3371010469	Nguyễn Xuân	Thịnh	20/11/1991	2.0	
38	3271010556	Đỗ Thương	Tín	09/03/1990	5.0	Bảo lưu
39	3371010505	Võ Minh	Triển	29/08/1991	7.0	
40	3371010521	Nguyễn Văn	Trương	15/11/1991	4.0	
41	3371010526	Lê Nhật	Trường	22/01/1991	6.0	
42	3371010534	Kiều Ngọc	Tuấn	20/04/1991	6.0	
43	3371010537	Nguyễn Thanh	Tuấn	01/02/1991	8.0	
44	3271010626	Nguyễn Như	Tối	20/10/1989	6.0	Bảo lưu
45	3371010562	Nguyễn Văn	Tư	29/08/1991	6.0	
46	3371010576	Nguyễn Tài	Việt	09/02/1990	4.0	
47	3371010578	Trần Lê	Việt	25/07/1991	6.0	
48	3371010593	Nguyễn Tuấn	Vũ	22/01/1991	4.0	
49	3371010601	Đạt Văn	Xuân	01/08/1991	5.0	
50	3371010606	Đình Văn	Ý	10/05/1990	6.0	

TPHCM, ngày/....../.....

Trưởng Khoa

GVBM

Giáo Vụ Khoa